TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **781**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: .Ông **Phạm Thành Trại**

Ông **Lê Văn Nghĩa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Huy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông **Lữ Văn Thới** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 692/2019/TB-TLVA ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị Bích T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp AT, xã TM, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng;

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

***** *Bị đơn:* Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị T, anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 19 tháng 9 năm 2019 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Cao Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2007, chị và anh Lê Văn H có cưới nhau và tự nguyện

sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 17/11/2008 và cũng từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị và anh H thường xuyên cãi vã nhau do anh H nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác, anh H thường chửi và xúc phạm chị, không cho chị đi làm, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay. Do tình cảm không còn không thể hàn gắn lại với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 17/11/2008 hiện tại chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 30/9/2019, bị đơn – anh Lê Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Cao Thị Bích T về quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung và thời gian mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cự cãi với nhau, nguyên nhân là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, đến tháng 7/2019 thì chị T bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 17/11/2008, anh thống nhất để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa, chị Cao Thị Bích T vẫn giữ yêu cầu về hôn nhân và con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Anh Lê Văn H đồng ý ly hôn, đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chị T đồng ý để anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Bích T và anh Lê Văn H. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 17/11/2008 cho chị Cao Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Văn H có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị Bích T xin ly hôn với anh Lê Văn H có địa chỉ ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Bích T và anh Lê Văn H tự nguyện sống chung và cưới nhau năm 2007, quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, nguyên nhân do mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, anh H nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cũng từ đó vợ chồng không còn sống chung với nhau và cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên chị T khởi kiện xin ly hôn và anh H cũng đồng ý với yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, dù chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng cho đến nay chị T và anh H vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị T và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ". Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không được pháp luật công nhận là hợp pháp nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Bích T và anh Lê Văn H theo quy định tại Khoản 1 Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh H có 01 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 17/11/2008, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại tòa anh Lê Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và được chị T đồng ý. Xét, hiện cháu V đang sống chung với chị T, được chị T chăm sóc chu đáo và đã ổn định, cháu V cũng mong muốn được sống chung với mẹ, anh H thống nhất để chị T trực tiếp nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử giao con

chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H thống nhất không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Cao Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Lê Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Cao Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Bích T và anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 17/11/2008 cho chị Cao Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Tường Vi đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị Bích T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Cao Thị Bích T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 01366 ngày 23/9/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Mai Thanh